

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS - ST
Ngày: 29/3/2021.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Hoàng Văn Bình**

2. Ông: **Nguyễn Doãn Ước**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tráng** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST- DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐST- DS ngày 18/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Mai Văn N**, sinh năm 1966, bà **Võ Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Văn N, bà Võ Thị H trình bày như sau: Vào ngày 15/3/2019 chị Trần Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện TC, tỉnh NA đến nhà ông, bà vay số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn lăm triệu*) lãi suất thỏa thuận 1,5% /tháng. Hai bên có viết giấy vay nợ, theo thỏa thuận thì chị Trần Thị N phải trả số nợ trên cho ông Mai Văn N, bà Võ Thị H trong vòng 03 tháng, kể từ ngày vay nhưng chị N không trả nợ đúng như cam kết.

Ngày 12/6/2020 chị Trần Thị N viết giấy khất nợ ông Mai Văn N, bà Võ Thị H và cam kết từ tháng 7/2020 chị sẽ trả cho ông Nam, bà H mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Tính đến tháng 10/2020 chị N đã trả tiền lãi suất cho ông N, bà H với số tiền là 8.900.000 đồng.

Nay ông Mai Văn N, bà Võ Thị H yêu cầu chị Trần Thị N trả cho ông, bà số tiền gốc là 45.000.000 đồng (*Bốn lăm triệu*) và tiền lãi suất là 1,2% /tháng như lãi suất ngân hàng cho vay. Tiền lãi tính từ ngày 15/3/2019 đến ngày 29/3/2021 là 24 tháng 14 ngày

$\times 45.000.000\text{đồng} \times 1,2\%$ trên tháng = 13.212.000đồng, chị N đã trả được 8.900.000đồng tiền lãi, còn lại số tiền lãi chưa trả là 4.312.000đồng.

Ý kiến bị đơn chị Trần Thị N: Tại văn bản ý kiến của bị đơn đề ngày 08/3/2021 và đơn xin xử vắng mặt đề ngày 22/3/2021 chị Trần Thị N thừa nhận vào ngày 15/3/2019 chị có vay ông Mai Văn N, bà Võ Thị H số tiền 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) lãi suất như ông N, bà H yêu cầu. Hiện tại chị đã trả được cho ông N, bà H số tiền lãi là 8.900.000đồng, tiền gốc 45.000.000đồng chị chưa trả.

Nay ông Mai Văn N, bà Võ Thị H yêu cầu chị trả cho ông, bà số tiền gốc là 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) và tiền lãi suất là 1,2% tháng như lãi suất ngân hàng cho vay thì chị đồng ý và xin được trả dần cho ông, bà. Chị đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N, bà Võ Thị H. Buộc chị Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn N, bà Võ Thị H số tiền gốc là 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) và lãi suất 1,2% trên tháng đến ngày 29/3/2021.

Về án phí: Trả lại ông Mai Văn N, bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc bị đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị N vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 15/3/2019 chị Trần Thị N có vay ông N, bà H số tiền 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) lãi suất thoả thuận 1,5% /tháng. Hai bên có viết giấy vay nợ, theo thoả thuận thì chị Trần Thị N phải trả số nợ trên cho ông Mai Văn N, bà Võ Thị H trong vòng 03 tháng, kể từ ngày vay nhưng chị N không trả nợ đúng như cam kết.

Ngày 12/6/2020 chị Trần Thị N viết giấy khất nợ ông Mai Văn N, bà Võ Thị H và cam kết từ tháng 7/2020 chị sẽ trả cho ông N, bà H mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi hết số nợ trên. Tính đến tháng 10/2020 chị N đã trả tiền suất cho ông N, bà H với số tiền là 8.900.000đồng, tiền gốc chưa trả.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Mai Văn N, bà Võ Thị H: Ông Mai Văn N, bà Võ Thị H yêu cầu chị Trần Thị N trả cho ông, bà số tiền gốc là 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) và tiền lãi suất là 1,2% /tháng như lãi suất ngân hàng cho vay. Yêu cầu của ông Mai Văn N, bà Võ Thị H thì đã được bị đơn chị Trần Thị N thừa nhận do đó đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Xét thấy lời khai của ông N, bà H là phù hợp với lời khai chị Trần Thị N, phù hợp với giấy khất nợ mà ông N, bà H nộp cho Toà án. Về lãi suất khi vay các bên thoả thuận là 1,5% tháng, nhưng nay ông N, bà H chỉ yêu cầu chị N trả lãi suất 1,2% /tháng và được chị N đồng ý. Xét thấy sự thoả thuận về lãi suất của các đương sự là không trái với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các tài liệu mà ông N, bà H nộp cho Toà án và lời khai chị Trần Thị N đều thể hiện số nợ trên là nợ cá nhân chị Trần Thị N. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/3/2021 anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 là chồng chị Trần Thị N khai: Về số nợ 45.000.000đồng mà chị N vay ông Mai Văn N, bà Võ Thị H thì anh không được bàn bạc, anh không vay tiền cùng chị N, số tiền chị N vay không đưa về sử dụng trong gia đình anh, do đó anh không liên quan số nợ trên.

Như vậy việc ông Mai Văn N, bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị N trả số nợ gốc là 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) và số tiền lãi suất 1,2%/tháng còn lại tính đến ngày 29/3/2021 là 4.312.000đồng là có căn cứ chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét ý kiến bị đơn chị Trần Thị N: Chị Trần Thị N thừa nhận vào ngày 15/3/2019 chị có vay ông Mai Văn N, bà Võ Thị H số tiền 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) lãi suất như ông N, bà H yêu cầu, chị đã trả được cho ông N, bà H số tiền lãi là 8.900.000đồng. Nay chị đồng ý trả cho ông N, bà H số tiền gốc là 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) và tiền lãi suất là 1,2% /tháng. Xét thấy lời khai của chị Trần Thị N là phù hợp với giấy khất nợ mà ông N, bà H nộp cho Toà án, phù hợp với lời khai ông N, bà H, phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn L chồng chị. Tại phiên tòa hôm nay ông N, bà H không đồng ý cho chị N trả dần do đó phải buộc chị có nghĩa vụ trả số nợ gốc là 45.000.000đồng (*Bốn lăm triệu*) và số tiền lãi suất còn lại tính đến ngày 29/3/2021 là 4.312.000đồng là đúng với quy định tại các Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Trả lại ông Mai Văn N, bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc bị đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N, Bà Võ Thị H.

Buộc chị Trần Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho ông Mai Văn N, bà Võ Thị H số tiền gốc là 45.000.000đồng (*Bốn mươi lăm triệu*) và số tiền lãi suất còn lại tính đến ngày 29/3/2021 là 4.312.000đồng. (*Bốn triệu, ba trăm mười hai ngàn*)

Tổng cả gốc và lãi là: 49.312.000đồng. (*Bốn chín triệu, ba trăm mười hai ngàn*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Trả lại ông Mai Văn N, bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là. 1.496.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn*) theo biên lai số 0004582 ngày 26/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Buộc chị Trần Thị N phải chịu 2.465.000 đồng(*Hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo:*Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

